

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01867

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122001	LÊ ĐỨC AN	DH12QT	1	<i>LD</i>	8	7	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11173006	HUỖNH PHƯƠNG ANH	DH11TM	1	<i>HP</i>	8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12122099	VŨ CAO TUẤN	DH12TM	1	<i>VT</i>	8	0	1	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122103	TRƯƠNG TRẦN HOÀNG BẢO	DH12QT	1	<i>BT</i>	8	8	0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12122003	TRƯƠNG THỊ KIM BÍCH	DH12QT	1	<i>BK</i>	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123103	ĐAN CHÂU HẠNH CHI	DH12KE	1	<i>DC</i>	8	0	1,5	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122295	LÊ THỊ QUÍ CHUNG	DH12QT	1	<i>LT</i>	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122111	TRẦN THỊ DIỄM	DH12QT	1	<i>TD</i>	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12122114	BÙI NGUYỄN HOÀNG DUY	DH12TM	1	<i>BN</i>	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12122117	PHAN BÍCH DUYỄN	DH12TC	1	<i>PD</i>	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12122282	TRẦN MỸ DUYỄN	DH12QT	1	<i>TM</i>	8	8	1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122010	LÊ NGỌC DƯ	DH12QT	1	<i>LD</i>	9	7	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12122011	NGUYỄN HUY DƯƠNG	DH12TM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122324	HOÀNG THỊ ĐÀO	DH12QT	1	<i>HT</i>	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122066	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	DH11QT	1	<i>AT</i>	8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122125	TRẦN PHÚC ĐẠT	DH12TM	1	<i>TP</i>	8	7	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12123246	CAO THỊ HÀ GIANG	DH12KE	1	<i>GH</i>	8	7	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12122323	TRIỆU THỊ GIANG	DH12QT	1	<i>GT</i>	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 76; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Ngọc
Phạm Chu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Đức Tuấn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01867

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi trung bình (40%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122283	TRẦN THỊ THANH HÀ	DH12QT	1	<i>Thanh</i>	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122130	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12QT	1	<i>Hai</i>	8	7	3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10123059	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	DH10KE	1	<i>Quat</i>	9	8	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12123120	NGUYỄN PHÚC HẬU	DH12KE	1	<i>Hau</i>	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12123087	LÊ THỊ HIỀN	DH12KE	1	<i>Hi</i>	8	0	3	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123247	NGUYỄN THỊ HOA	DH12KE							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122020	PHÙNG THỊ TUYẾT HOA	DH12QT	1	<i>Nox</i>	8	7	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12122318	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12QT	1	<i>Hong</i>	9	7	1,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12122146	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	DH12QT	1	<i>Huyen</i>	8	8	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12122153	HỒ PHẠM VIỆT KHANH	DH12TC	1	<i>HKhanh</i>	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10123081	LÊ THỊ LONG KHÁNH	DH10KE	1	<i>Khanh</i>	9	8	4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12122155	NGUYỄN THỊ THUỖ KHUYÊN	DH12QT	1	<i>Thu</i>	8	7	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12122078	PHAN THỊ MỸ KIM	DH12QT	1	<i>Kim</i>	8	7	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122158	TRẦN THỊ TUYẾT LAN	DH12QT	1	<i>Lan</i>	9	7	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12122029	PHẠM THỊ KIM LÀNH	DH12QT	1	<i>Kim Lan</i>	8	7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DH12QT	1	<i>Thuy</i>	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12122031	LÊ THỊ KIM LÝ	DH12QT	1	<i>Kim Ly</i>	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12122032	NGUYỄN DẠ LÝ	DH12QT	1	<i>Ly</i>	9	7	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 76; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn T. Đức
Phạm Chu Phương

Trần Đức Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01867

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thăm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12122177	TRẦN VĂN MONG	DH12TM	1	Mong	8	7	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12122178	LÊ HOÀI	DH12QT	1	Hoai	8	7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122080	PHẠM THÀNH	DH12QT	1	thanh	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122037	DƯƠNG THỊ BÍCH	DH12QT	1	Bich	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12122333	NGUYỄN THỊ	DH12QT	1	Ngoc	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11164023	VƯƠNG THỊ MINH	DH11TC	1	ngoc	8	8	8,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12122186	PHẠM THỊ THẢO	DH12TM	1	thao	8	7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12123154	PHAN TRẦN THẢO	DH12KE	1	nguyen	8	8	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12123155	TRẦN THANH	DH12KE	1	thanh	9	8	9,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12122190	LUẬN THÀNH	DH12QT	1	lu	8	7	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU	DH12QT	1	ki	8	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12122206	NGUYỄN HỒNG	DH12QT	1	hong	8	7	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12123237	NGUYỄN THỊ THANH	DH12KE	1	thanh	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12122208	TRƯƠNG THỊ	DH12TM	1	phuong	9	8	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	DH12TM	1	phuong	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12122047	VŨ THÚY	DH12QT	1	thuy	8	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12122288	TẠ NGUYỄN THẢO	DH12QT	1	thao	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12122224	NGUYỄN THỊ	DH12TM	1	thao	8	7	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 76; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn T. Duy
Phạm Thu Phương

Trần Đức Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01867

Trang 4/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi (70 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12122226	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	DH12QT	1	<i>Thanh</i>	8	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12122053	KIỀU QUỐC THẮNG	DH12QT	1	<i>Quoc</i>	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT THƠ	DH12KE	1	<i>Thy</i>	9	7	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12122233	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	DH12QT	1	<i>Bich</i>	8	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12122236	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	DH12TC	1	<i>Anh</i>	8	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12122238	LÊ THỊ CẨM TIÊN	DH12QT	1	<i>Cam</i>	8	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12122060	TRẦN MINH TIẾN	DH12QT	1	<i>Minh</i>	8	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12123188	LÊ THỊ TÌNH	DH12KE	1	<i>Tinh</i>	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12122290	HỒ HỮU TOÀN	DH12TM	1	<i>Huu</i>	8	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12122245	ĐỖ HUYỀN TRANG	DH12TM	1	<i>Huyen</i>	8	7	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12122063	HÀ THỊ TRANG	DH12QT	1	<i>Ha</i>	8	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12123191	HUỖNH THỊ QUỲNH	DH12KE	1	<i>Quynh</i>	8	8	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12122064	THÁI DƯƠNG HUỖNH	DH12TM	1	<i>Thai</i>	8	0	6,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11122132	VÕ THỊ DIỄM	DH11QT	1	<i>Thy</i>	8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12122315	NGUYỄN THỊ KIM TRỌN	DH12QT	1	<i>Tron</i>	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	10123207	VÕ VIỆT TRUNG	DH10KE	1	<i>Viet</i>	9	8	4	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12123197	VÕ THỊ THANH TÙNG	DH12KE	1	<i>Thanh</i>	8	8	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12123194	LÝ THỊ THANH TUYỀN	DH12KE	1	<i>Thy</i>	9	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 76; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Minh Ng T. Duy
Phạm Thu Phương

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Đức Tuấn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01867

Trang 5/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 **Giờ thi:** 07g00 - phút **Phòng thi** TV201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 76; Số tờ: 76

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trong số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01866

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (60%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (10%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12123001	NGUYỄN HẠNH AN	DH12KE	1	An	8	7	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12123098	NGUYỄN THỊ THÚY	DH12KE	1	An	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12122106	BÙI THỊ CẨM	DH12TM	1	ruu	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12123105	VŨ THỊ KIM	DH12KE	1	Kim	8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11164001	VÕ QUỐC CÔNG	DH11TC	1	Go	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122083	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	DH12QT	1	Cuong	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122297	NGUYỄN THỊ THANH	DH12QT	2	Thanh	9	8	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12123070	PHẠM THỊ DUNG	DH12KE	1	Me	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11TC	1	My duy	10	7	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ	DH11KE	2	My	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE	1	Ngoc	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123102	PHẠM THỊ HẰNG	DH11KE	1	Hang	9	8	8	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09124900	PHẠM TRUNG HIẾU	DH11TM	1	Hieu	8	0	1,5	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12123233	BÙI THỊ ANH	DH12KE	1	Hoa	8	8	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12122143	NGUYỄN ĐỨC HUY	DH12TC	1	Huy	8	7	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122085	NGUYỄN QUANG HUY	DH12TC	1	Thuy	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12123130	NGUYỄN THỊ VÂN	DH12KE	1	Quoc	8	7	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12122027	BÙI MINH KIẾT	DH12QT	1	Minh	8	8	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54; Số tờ: 56

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trưởng Thi Kim Thủy
Phạm Thị Yên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Đức Tuấn

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01866

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122156	NGUYỄN THỊ THU	KIỀU	DH12QT	1	Thu	8	8	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	12122159	NGUYỄN VĂN THỦY	LÂM	DH12QT	1	Thủy	8	8	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	11164020	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	DH11TC	1	Khánh	8	7	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	12123136	HUỖNH THỊ KHÁNH	LINH	DH12KE	1	Khánh	8	8	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	12122166	PHẠM DUY	LINH	DH12QT	1	Duy	8	8	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	DH11TM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	12123090	ĐÌNH THỊ	LỘC	DH12KE	1	Đình	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	DH12QT	1	Phúc	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	MAI	DH12QT	1	Phương	9	8	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	DH11KE	1	Tuyết	10	8	9,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09150064	MAI THỊ THẢO	MY	DH09TM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09123089	TRẦN CAO PHƯƠNG	NAM	DH09KE	1	Phương	8	0	8	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	12123148	NGUYỄN HUỖNH BẠCH	NGA	DH12KE	1	Bạch	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH11KE	1	Ngân	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	12122036	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH12QT	1	Ngân	8	7	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	12123034	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	DH12KE	1	Thu	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	DH12TM	1	Thảo	8	7	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	12122304	HỒ THỊ TUYẾT	NGUYỆT	DH12TM	1	Tuyết	8	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 54; Số tờ: 56

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trưởng Thi Kim Thủy
Vụ Văn thư

Trần Đức Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01866

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12123162	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	DH12KE	1	<i>nh</i>	8	7	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12122195	ĐẶNG THỊ HUỲNH	DH12TC	1	<i>hu</i>	8	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11123034	DƯ THỊ MỸ	DH11KE	1	<i>Phu</i>	10	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122042	TRẦN QUANG	DH12TM	1	<i>tt</i>	8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11164028	NGUYỄN DUY	DH11TC	1	<i>phs</i>	8	0	7,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12122044	NGUYỄN XUÂN	DH12QT	1	<i>Qu</i>	8	7	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12123093	LÊ THỊ THẢO	DH12KE	1	<i>Thảo</i>	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12123047	LÊ THỊ HỒNG THẢO	DH12KE							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12122227	PHẠM THỊ HỒNG	DH12QT	1	<i>ph</i>	8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12122228	PHẠM THỊ NGỌC	DH12QT	1	<i>ng</i>	8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11150068	TRẦN ĐỨC	DH11TM	1	<i>th</i>	8	8	1,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	DH12KE	1	<i>thm</i>	8	8	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12122312	CÙ THỊ CẨM	DH12QT	1	<i>th</i>	8	8	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	10150089	NGUYỄN THỊ THÙY	DH10TM	1	<i>th</i>	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12122065	HỒ CHÍ	DH12QT	1	<i>th</i>	8	8	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12122091	NGUYỄN BỬU	DH12TC	1	<i>Truong</i>	8	8	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11123084	TRẦN XUÂN	DH11KE	1	<i>tt</i>	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12122092	NGUYỄN HOÀNG THÚY	DH12QT	1	<i>thm</i>	8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 54; Số tờ: 56

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Trưởng Thi Kim Thủy
Nguyễn Thị Kim Thủy

Trần Đức Thuận
Trần Đức Thuận

Trang 4/2

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

Ngày tháng năm

Mr Trương Thị Kim Thủy
Vu Đạm Thị Sơn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01865

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (0%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên																				Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân									
1	12123068	VŨ THỊ NGỌC	BÍCH	DH12KE	1	<i>buca</i>	8	8	7,5	7,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
2	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	DH11KE	1	<i>chul</i>	8	9	9,5	9,3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
3	11123073	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỆM	DH11KE	1	<i>diem2</i>	9	8	9	8,8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
4	11123004	TRƯƠNG KHẮC	DUY	DH11KE	1	<i>kyak</i>	8	8	10	9,4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
5	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	DH12KE	1	<i>mluc</i>	8	7	1	2,9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
6	11123009	THÁI THỊ	HÀI	DH11KE	1	<i>thai</i>	10	8	10	9,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
7	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	DH11KE	1	<i>thay</i>	8	8	8	8,0	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
8	12123071	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	DH12KE	1	<i>nghe</i>	8	0	9	7,1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
9	12122134	HỒ THỊ	HẬU	DH12TM	1	<i>thau</i>	8	8	6,5	7,0	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
10	11123106	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	HIỀN	DH11KE	1	<i>thi</i>	8	8	9	8,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
11	12122016	TRỊNH THẾ	HIỀN	DH12QT	1	<i>thien</i>	8	7	5,5	6,1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
12	10123064	NGUYỄN QUỲNH	HOA	DH10KE	1	<i>hoc</i>	8	9	10	9,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
13	12123222	PHAN THỊ THU	HỒNG	DH12KE	1	<i>thuy</i>	9	8	8	8,1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
14	12123127	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	DH12KE	1	<i>me</i>	8	7	6	6,4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
15	12123025	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	DH12KE	1	<i>duy</i>	9	7	9	8,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
16	11123113	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	DH11KE	1	<i>thue</i>	8	8	9	8,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
17	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH11KE	1	<i>thuy</i>	8	8	9	8,2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								
18	12123028	NGUYỄN HUỲNH	KHUYÊN	DH12KE	1	<i>thuy</i>	8	7	6	6,4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9								

Số bài: 7,7; Số tờ: 7,7

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Phan Thị Lê Hoàng
Phan Thị Lê Hoàng

Trần Đức Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01865

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (0%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12123137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	DH12KE	1	<i>Ph</i>	8	8	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122167	TỔNG ÁI	DH12TC	1	<i>Cu</i>	10	8	9,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DH11TC	1	<i>Quỳnh</i>	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123123	TRẦN THỊ MỸ	DH11KE	1	<i>My</i>	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	DH12QT	1	<i>Đức</i>	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12122087	NGÔ THÀNH	DH12QT	1	<i>Ho</i>	8	9	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122173	HOÀNG CÔNG	DH12TM	1	<i>du</i>	8	9	3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11122084	NGÔ THỊ KIM	DH11QT	1	<i>Kim</i>	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123024	NGUYỄN THỊ	DH11KE	1	<i>mai</i>	8	8	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123026	TRẦN THỊ HOA	DH11KE	1	<i>Hoa</i>	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12123144	NGUYỄN THỊ	DH12KE	1	<i>ngon</i>	8	8	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	DH12KE	1	<i>Kim</i>	9	7	10	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12122182	NGUYỄN VĂN	DH12QT	1	<i>Nh</i>	8	9	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122184	LÊ ĐĂNG THẢO	DH12QT	1	<i>Th</i>	8	8	1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12123038	TẠ THỊ ÁNH	DH12KE	1	<i>Anh</i>	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	DH11KE	1	<i>Y</i>	8	8	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12122200	VÕ THỊ NGỌC	DH12QT	1	<i>ngoc</i>	9	8	10	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY	DH12QT	1	<i>Nh</i>	8	7	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 72; Số tờ: 72

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Khuê Khúc Anh Nam
goc *Võ Xuân Linh*
Phan Thị Lê Hằng

Trần Đức Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01865

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thăm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	11123077	PHẠM THỊ XUÂN NỮ	DH11KE	1	<i>Phạm</i>	8	8	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12123042	PHẠM HỒNG	DH12KE	1	<i>Phuc</i>	8	7	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11123177	VÕ THỊ DIỆM	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11123139	NGUYỄN THỊ LỆ	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12122210	NGUYỄN THỊ	DH12QT	1	<i>Phuc</i>	8	7	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12123043	DOÃN ĐÌNH	DH12KE	1	<i>Phuc</i>	8	7	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11123142	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12122049	NGUYỄN VĂN	DH12QT	1	<i>Phuc</i>	8	9	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11123144	NGUYỄN THỊ	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11164042	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11TC	1	<i>Phuc</i>	9	9	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12123242	TRƯƠNG THỊ ANH	DH12KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12122057	HOÀNG THỊ MINH	DH12QT	1	<i>Phuc</i>	8	7	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11123183	QUÁCH MINH	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11123154	ĐỖ THỊ CẨM	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	8	0	10	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11123156	PHAN HUỖNH NG MINH	DH11KE	1	<i>Phuc</i>	9	9	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	10123187	NGUYỄN YẾN	DH10KE	1	<i>Phuc</i>	8	8	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	DH12KE	1	<i>Phuc</i>	7	7	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 77; Số tờ: 77

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Khúc Khắc Đình Nam
Phan Thị Lê Hằng

Trần Đức Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01865

Trang 4/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (20%)	Điểm thi (30%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12123079	PHAN THỊ THANH THƯƠNG	DH12KE	1	<i>Phan</i>	8	8	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12123054	HUỖNH THỊ MỸ TIÊN	DH12KE	1	<i>Tiên</i>	8	8	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12122059	NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	DH12QT	1	<i>Tiên</i>	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12123185	PHAN THỦY TIÊN	DH12KE	1	<i>Tiên</i>	9	8	9,5	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12122242	ĐỖ VIỆT TIẾN	DH12QT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11123079	LƯU THỊ TÌNH	DH11KE	1	<i>Tình</i>	8	8	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ TÔNG	DH12KE	1	<i>Nghe</i>	9	8	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	DH11KE	1	<i>Tran</i>	8	9	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO TRÂN	DH12QT	1	<i>Tran</i>	8	7	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂN	DH11KE	1	<i>Tran</i>	8	8	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11123052	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRINH	DH11KE	1	<i>Huyen</i>	10	8	10	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12122292	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	DH12QT	1	<i>Tran</i>	8	8	10	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11150025	NGÔ CHÍ TRUNG	DH11TM	1	<i>Thy</i>	8	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12122068	NGUYỄN MINH TUẤN	DH12QT	1	<i>Tran</i>	8	9	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11123054	PHẠM THỊ THU TƯỜNG	DH11KE	1	<i>Thuy</i>	8	8	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12122264	NGUYỄN THỊ VÂN	DH12QT	1	<i>Th</i>	8	7	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	10122197	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	DH10QT	1	<i>Thanh</i>	8	8	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11123060	NGUYỄN VĂN VUI	DH11KE	1	<i>Th</i>	8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 77; Số tờ: 77

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Phan Thị Lê Hằng
Phan Thị Lê Hằng

Tran
Trần Đức Tiến

Trang 5/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thẩm định giá (208326) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 10/01/14 **Giờ thi:** 07g00 - phút **Phòng thi** TV103

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 77; Số tờ: 77

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm